

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
Năm 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

| | |
|----------------|---|
| Tên công ty | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam |
| Tên tiếng Anh | V- Power Investment and Development |
| Tên viết tắt | V- Power |
| Logo |  |
| Người đại diện | Ông Nguyễn Văn Anh - Giám đốc |
| Trụ sở | Số 03B nhà C9, KTT Bộ tư lệnh Công binh, phường Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội |
| Điện thoại | (844) 35626614 |
| Fax | (844) 35626613 |
| Vốn điều lệ | 56.250.000.000 đồng |

1. Những sự kiện quan trọng:

- Được thành lập tháng 12 năm 2004 với mức vốn điều lệ là 12.330.000.000 đồng. Công ty được hình thành bởi các tập đoàn tài chính, ngân hàng có quy mô lớn trên thị trường: Công ty cổ phần Cavico Việt Nam, ngân hàng Habubank, công ty tài chính PT Finance cùng các tổ chức và cá nhân khác.
- Năm 2006: Tăng vốn Điều lệ Công ty từ 12.330.000.000 đồng lên 28.009.910.000 đồng
- Năm 2007: Tăng vốn Điều lệ Công ty từ 28.009.910.000 đồng lên 56.250.000.000 đồng
- Ngày 24/9/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có thông báo chấp thuận cho CTCP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (MCK: VPC) được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại thị trường UPCOM, ngày giao dịch chính thức: **07/10/2009**
- Tháng 2/2010 chính thức đưa Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Lương Sơn thuộc dự án Trường trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình vào hoạt động.

2. Quá trình phát triển

➤ ***Ngành nghề kinh doanh:***

- ✚ Kinh doanh và sản xuất điện;
- ✚ Xây dựng các công trình điện;
- ✚ Xây dựng các nhà máy xi măng;
- ✚ Khai thác quặng, khoáng sản được nhà nước cho phép lưu hành (trừ xuất khẩu dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bitum, ở dạng thô);
- ✚ Kinh doanh bất động sản;
- ✚ Mua bán chứng khoán (không bao gồm chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu nước ngoài);
- ✚ Đại lý kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng; đại lý xăng dầu, khí đốt hóa lỏng và các dịch vụ liên quan đến xăng dầu, khí đốt hóa lỏng;
- ✚ Đại lý bảo hiểm;
- ✚ Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;
- ✚ Kinh doanh các sản phẩm, linh kiện điện tử tin học;
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh;
- ✚ Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- ✚ Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- ✚ Đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- ✚ Sản xuất, chế biến và buôn bán hàng lương thực, thực phẩm, hàng nông lâm, thủy sản (trừ phân phối lúa gạo, đường mía, đường củ cải);
- ✚ Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng trong lĩnh vực: xây dựng, hoàn thiện (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đăng ký kinh doanh);
- ✚ Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô.

➤ ***Tình hình hoạt động:***

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam hoạt động tập trung vào mảng đầu tư tài chính, chủ yếu là đầu tư dài hạn vào các dự án lớn. Hiện nay, Công ty đang tập trung đầu tư vào một số dự án thủy điện mang tầm cỡ quốc gia nằm trong đề án quy hoạch phát triển của Chính phủ như Dự án thủy điện Bảo Lộc, Dự án thủy điện Nậm Xe – Lai Châu, Dự án thủy điện Nậm Xây Nội – Lào Cai. Bên cạnh đó việc đầu tư vào dự án trường trung cấp nghề tại tỉnh Hòa Bình đem lại mảng doanh thu ổn định và lâu dài cho Công ty kể từ năm 2010.

3. Định hướng phát triển

➤ ***Các mục tiêu chủ yếu của Công ty***

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tham gia tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông Công ty. Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc tốt nhất để đảm bảo mục tiêu: Công ty mạnh - Thành viên giàu - Nhà đầu tư hưởng lợi - Đóng góp nhiều cho cộng đồng và xã hội.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

Điều kiện tự nhiên của Việt Nam là hết sức thuận lợi cho việc phát triển thủy điện. Chính vì vậy chiến lược của ngành điện Việt Nam là tập trung vào khai thác nguồn thủy điện. Như vậy triển vọng sẽ có rất nhiều các dự án thủy điện được triển khai trong tương lai. Đây chính là nguồn cung dồi dào các dự án đầu tư tiềm năng cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam. Ngoài ra Công ty cũng có kế hoạch mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang các ngành có khả năng tạo lợi nhuận cao như trường nghề, khai thác mỏ, bất động sản. Công ty tập trung quản lý tốt dự án “Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe ô tô Lương Sơn” tạo ra nguồn lợi nhuận ổn định trong năm 2011 và các năm tiếp theo.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010:

Tình hình cụ thể tại các dự án Công ty đang tham gia đầu tư như sau :

- ❖ Dự án thủy điện Bảo Lộc : Dự án này có công suất lắp máy là 24.5 MW, tổng mức đầu tư là 560 tỷ đồng với các cổ đông sáng lập: Tập đoàn Cao su chiếm 82%, Công ty xây dựng số 4 chiếm 8% và V – Power chiếm 10%. Công ty đã tham gia góp vốn vào dự án từ năm 2005 và đến thời điểm 31/12/2008 đã thực hiện góp 15.57 tỷ đồng trong đó vốn vay Ngân hàng HBB là 7.57 tỷ đồng, vốn tự có là 7.5 tỷ đồng. Vốn nhận uỷ thác từ Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Nam Việt là 0.5 tỷ đồng. Dự án thủy điện Bảo Lộc đã phát điện vào tháng 2 năm 2010 và bắt đầu hoạt động có lãi năm 2010. Theo kế hoạch của Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện VRG Bảo Lộc, cổ phiếu của Công ty sẽ được niêm yết tại HNX trong năm 2011. Dự án này bước đầu tạo ra nguồn thu ổn định cho công ty năm 2011 và các năm tiếp theo.
- ❖ Dự án thủy điện Nậm Xe – Lai Châu, dự án thủy điện Nậm Xây Nội – Lào Cai: Dự án thủy điện Nậm Xe có công suất lắp máy 12 MW và dự án Nậm Xây Nội công suất 6.4 MW là hai dự án công ty trực tiếp tìm kiếm và thực hiện đầu tư. Đến thời điểm 31/12/2010 số tiền đã đầu tư vào hai dự án là 5.3 tỷ và 3.1 tỷ đồng. Các dự án đã được khảo sát, thiết kế chi tiết và hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Năm 2011, tùy diễn biến thị trường tài chính công ty sẽ tiến hành đầu tư dự án thủy điện Nậm Xe. Cổ phần tại dự án thủy điện Nậm Xây Nội 1 sẽ được công ty tiến hành đàm phán chuyển nhượng để tập trung đầu tư vào dự án thủy điện Nậm Xe.
- ❖ Dự án đầu tư xây dựng trường trung cấp nghề Hoà Bình : Đây là dự án trọng điểm của Công ty trong năm 2010. Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng hạng mục “Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe Lương Sơn” từ tháng 2 năm 2010 bằng nguồn vốn vay hỗ trợ lãi suất từ Ngân hàng phát triển Hoà Bình với thời hạn vay 10 năm, lãi vay 8,4%/năm. Mặc dù mới đi vào hoạt động trong năm 2010 nhưng dự án này đã mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định cho công ty trong năm 2010. Với hệ thống quản trị điều hành đã được chuẩn hoá, với lực lượng cán bộ công nhân viên lành nghề, với thị trường đào tạo – sát hạch lái xe ngày càng rộng mở, dự án

này sẽ mang lại hiệu quả cao cho công ty trong năm 2011 và các năm tiếp theo. Ngoài ra, quỹ đất còn lại của dự án (khoảng 3.5ha) tại vị trí đại lý thuận lợi (nằm trên mặt đường Hồ Chí Minh, cách ngã 3 Xuân Mai 15km) chắc chắn sẽ tạo ra nhiều giá trị trong tương lai cho Công ty. Chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư tại dự án được đính kèm theo báo cáo.

- ❖ Các dự án đầu tư ngắn hạn khác: Với uy tín tạo được trong cộng đồng doanh nghiệp, V – Power có rất nhiều cơ hội để đầu tư tài chính vào các dự án hiệu quả. Đầu tư vào các công ty chuẩn bị niêm yết trên thị trường chứng khoán là bước đi đã được thực hiện trong năm 2010 và sẽ được Hội đồng quản trị Công ty cân nhắc đầu tư trong năm 2011.
- ❖ Trong năm 2010, thực hiện Nghị quyết của đại hội cổ đông, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty đầu tư tại dự án thủy điện Nậm Chiến và đã thanh toán dứt điểm toàn bộ nợ gốc tại Ngân hàng Habubank. Việc thanh toán dứt điểm các khoản nợ tại Habubank đã giúp giảm gánh nặng tài chính của Công ty, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của Công ty.

2. Tình hình doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch

Đơn vị : VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | | Mức độ hoàn thành |
|----------------------|---------------|---------------|-------------------|
| | Thực hiện | Kế hoạch | |
| Doanh thu thuần | 8.403.884.500 | 8.000.000.000 | 105% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.545.651.820 | 1.500.000.000 | 103% |

3. Các thay đổi chủ yếu năm 2010:

- Công ty đã rà soát lại danh mục đầu tư để từ đó cân đối nguồn lực tập trung cho những dự án trọng điểm và đồng thời thanh khoản những khoản đầu tư ngắn hạn khi đã đạt được hiệu quả như mong muốn.
- Dự án Thủy điện Bảo Lộc đi vào hoạt động.
- Dự án trường nghề được đưa vào khai thác từ tháng 02/2010, bước đầu đã đem lại những kết quả rất khả quan.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Theo đánh giá chung, tình hình kinh tế vĩ mô sẽ còn diễn biến hết sức phức tạp trong năm 2011. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2011 của Công ty là tiếp tục duy trì, quản lý tốt các dự án đã đầu tư, nghiên cứu, sàng lọc kỹ các cơ hội trước khi tham gia đầu tư mới. Cụ thể như sau:

- Công ty sẽ tập trung quản lý tốt dự án “Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe ô tô Lương Sơn” để tạo ra nguồn lợi nhuận ổn định trong năm 2011 và các năm tiếp theo. Đây sẽ là dự án trọng điểm của Công ty trong năm 2011.

- Tham gia tích cực vào công tác quản trị tại dự án thủy điện Bảo Lộc, hỗ trợ để đưa cổ phiếu Công ty cổ phần VRG Bảo lộc niêm yết trên sàn chứng khoán, đảm bảo giá trị đầu tư và tính thanh khoản của cổ phiếu.

- Nghiên cứu đầu tư khu dịch vụ phục vụ dự án Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe Lương Sơn dựa trên thuận lợi của Quỹ đất hiện có, đảm bảo lợi nhuận và dòng tiền ổn định.

- Nghiên cứu đầu tư chiều sâu vào khu đất 3.5ha còn lại của Trường nghề theo hướng tìm đối tác phù hợp để hợp tác đầu tư, đảm bảo đánh giá đúng giá trị tài sản của dự án và tạo lợi nhuận cao cho Công ty.

- Dựa trên uy tín của Công ty trong công đồng doanh nghiệp, nghiên cứu tham gia đầu tư vào các công ty chuẩn bị niêm yết. Tiêu chí để đầu tư vào các công ty này là lựa chọn công ty minh bạch trong quản trị, hiệu quả trong kinh doanh và uy tín trên thương trường.

Với tình hình tài chính diễn biến phức tạp trong năm 2010 và 2011, việc xây dựng một cơ cấu đầu tư hợp lý là vấn đề quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Ban giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty mong nhận được sự tin tưởng của quý vị Cổ đông để Ban điều hành Công ty có thể xây dựng cơ cấu đầu tư hợp lý nhất, giúp công ty vượt qua thử thách trong thời gian tới, hướng tới sự phát triển bền vững trong tương lai.

❖ **Kế hoạch kinh doanh năm 2011**

Trên cơ sở cơ cấu lại danh mục đầu tư theo định hướng nêu trên, Ban Giám đốc Công ty xin đưa ra Kế hoạch doanh thu - lợi nhuận của Công ty năm 2011 để Cổ đông thông qua, làm định hướng cho các hoạt động của Công ty năm 2011.

| STT | NỘI DUNG CHI TIẾT | Năm 2011 (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|--------------------|--|
| A | DOANH THU | 15.880.500.000 | |
| I | Doanh thu chính | 13.380.500.000 | |
| 1 | Doanh thu từ dự án đào tạo sát hạch lái xe | 11.822.000.000 | Bảng chi tiết kèm theo |
| 2 | Doanh thu từ cổ tức các dự án đầu tư | 1.558.500.000 | Dự án thủy điện Bảo Lộc dự kiến chia cổ tức 5% năm 2011, công ty Solavina dự kiến chia cổ tức 12% năm 2011 |
| | Dự án thủy điện Bảo Lộc | 778.500.000 | |
| | Từ các khoản đầu tư tài chính khác | 780.000.000 | |
| II | Doanh thu hoạt động kinh doanh tài chính | 2.500.000.000 | Chuyển nhượng một phần cổ phiếu các dự án đầu tư công ty đang nắm giữ |
| B | CHI PHÍ | 12.508.000.000 | |
| I | Giá vốn các dự án đầu tư | 8.968.000.000 | |

| | | | |
|----|---|----------------------|---------------------------------------|
| 1 | Giá vốn dự án đào tạo - sát hạch lái xe | 8.768.000.000 | Chi tiết kèm theo |
| 2 | Giá vốn các hoạt động đầu tư khác | 200.000.000 | Công tác phí, các khoản chi khác |
| II | Chi phí hoạt động tài chính | 1.800.000.000 | |
| IV | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 1.440.000.000 | Trung bình 120triệu đồng/tháng |
| V | Các chi phí khác | 300.000.000 | |
| C | KẾT QUẢ SXKD 2011 | 3.372.500.000 | |
| | Dự kiến chia cổ tức năm 2011 | 8% | Bao gồm cả lợi nhuận giữ lại năm 2010 |

❖ Các mục tiêu chính năm 2011

- ✚ Trả toàn bộ khoản nợ vay tại HBB, giảm gánh nặng tài chính cho Công ty trong năm 2011 và các năm tiếp theo;
- ✚ Quản trị tốt dự án “trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe Lương Sơn” đảm bảo nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định cho Công ty;
- ✚ Niêm yết cổ phiếu Công ty tại sàn chứng khoán Hà Nội – HNX;
- ✚ Cơ cấu lại danh mục đầu tư phù hợp đảm bảo hoạt động có lãi năm 2011 và tạo điểm tựa vững chắc cho sự phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.
- ✚ Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau:
 - Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.

Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính:

Đơn vị: VND

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2010 | 31/12/2009 |
|-----|------------------------|----------------|----------------|
| 1 | Đầu tư ngắn hạn | | |
| | - Đầu tư chứng khoán | 0 | 0 |
| | - Đầu tư ngắn hạn khác | 1.228.520.000 | 2.955.701.001 |
| 2 | Đầu tư dài hạn | 40.031.906.429 | 94.930.975.911 |

| | | | |
|----------|-----------------------------|----------------|-----------------|
| 3 | Tài sản cố định | | |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 51.781.509.019 | 13.146.848.846 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 2.895.421.410 | 2.136.097.662 |
| 4 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 10.542.534.930 | 11.315.650.879 |
| 5 | Xây dựng cơ bản dở dang | 0 | 35.451.516.858 |
| 6 | Nợ phải trả | 64.851.132.541 | 113.811.556.838 |
| 7 | Vốn chủ sở hữu | 67.047.735.687 | 65.502.083.867 |

2. Một số chỉ số cơ bản:

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 |
|---|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) | 0.78 | 1.44 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (lần) | 0.12 | 0.62 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%) | | |
| - Hệ số nợ/Tổng tài sản | 63.47% | 49.17% |
| - Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư | 173.75% | 96.72% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| - Vòng quay tài sản (lần) | - | 0.05 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | - | 18.39% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%) | 2.37% | 2.33% |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%) | 0.95% | 0.99% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010

- 🚩 Nhìn chung, trong năm 2010 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã có thay đổi theo chiều hướng tích cực so với năm 2009.
 - Chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng so với năm 2009; chỉ tiêu về cơ cấu vốn giảm so với năm 2009: chủ yếu do trong năm 2010, Công ty đã thanh toán hết nợ gốc với Habubank, cơ cấu tài chính của Công ty lành mạnh hơn.
 - Năm 2010, Trường trung cấp nghề tại Hòa Bình đi vào hoạt động, bước đầu mang lại doanh thu từ hoạt động kinh doanh cho Công ty. Do ảnh hưởng của tình hình thị trường tài chính nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, trong năm 2010, mảng đầu tư tài chính của Công ty không đạt kết quả như mong muốn. Do vậy chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm có tăng so với năm 2009 nhưng chưa thực sự rõ nét.
- 🚩 Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...): Vốn điều lệ của Công ty tính đến 31/12/2010 là: 56.250.000.000 đ tương đương với 5.625.000 cp (đều là Cổ phiếu phổ thông)
- 🚩 Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không
- 🚩 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 5.625.000 cp
- 🚩 Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): không

- ✚ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: Năm 2010 Công ty chưa chia cổ tức vì kết quả lợi nhuận chưa được khả quan. Lợi nhuận giữ lại dùng để tái đầu tư.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Đầu tư ngắn hạn:

Năm 2010 Công ty hạn chế các khoản đầu tư ngắn hạn để tập trung vào các dự án trọng điểm khác.

❖ Đầu tư dài hạn:

- ✚ Đầu tư thủy điện: Trong năm Công ty đã cơ cấu lại danh mục các dự án thủy điện, trong đó đã chuyển quyền sở hữu dự án thủy điện Nậm Chiến để tập trung nguồn lực cho những dự án khác.

- ✚ Các dự án khác: Năm 2010 Công ty đã rất nỗ lực trong việc huy động vốn để tập trung vào dự án Trường nghề tại Hoà Bình. Tính đến 31/12/2010 dự án trường nghề đã được đầu tư xây dựng và trang bị cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh. Dự án chính thức được cấp phép đào tạo mảng đào tạo nghề lái xe ô tô và mô tô. Kể từ tháng 2 năm 2010 dự án bắt đầu đi vào hoạt động, nguồn thu hàng năm của dự án tương đối đều và ổn định.

4. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Với đội ngũ cán bộ có khả năng làm việc độc lập và kiêm nhiệm đã giúp Công ty có được cơ cấu bộ máy tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả và tiết kiệm. Công ty luôn có chế độ khen thưởng cũng như kỷ luật kịp thời nhằm tạo môi trường làm việc nghiêm túc và năng suất.

- Các biện pháp kiểm soát: Thông qua Điều lệ Công ty, các Quy chế hoạt động được ban hành đã giúp Ban lãnh đạo kiểm soát tốt các mặt hoạt động của Công ty.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tiếp tục chú trọng đầu tư theo chiều sâu đối với các dự án hiện có, tìm tòi các dự án mới thuộc các lĩnh vực như: Bất động sản, khai thác mỏ,...

IV. Báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Tài sản | Mã số | Thuyết minh | 31.12.2010 | 31.12.2009 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 100 | | 28.059.976.816 | 26.710.364.515 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 316.359.602 | 980.653.489 |
| 1. Tiền | 111 | 3 | 316.359.602 | 980.653.489 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.228.520.000 | 2.955.701.001 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | 4 | 1.228.520.000 | 2.955.701.001 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.542.534.930 | 11.315.650.879 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 4.074.651.263 | 5.809.858.411 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 151.400.000 | 1.407.960.977 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 5 | 6.316.483.667 | 4.097.831.491 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 15.972.562.284 | 11.458.359.146 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 12 | 3.836.404.905 | 2.072.707.405 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 6 | 12.136.157.379 | 9.385.651.741 |
| B. Tài sản dài hạn | 200 | | 103.838.891.412 | 152.603.276.190 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.469.400.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 3.469.400.000 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 54.676.930.429 | 50.734.463.366 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 7 | 51.761.509.019 | 13.146.848.846 |
| - Nguyên giá | 222 | | 55.104.248.876 | 14.514.592.448 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (3.322.739.857) | (1.367.743.602) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 8 | 2.895.421.410 | 2.136.097.662 |
| - Nguyên giá | 228 | | 3.129.912.842 | 2.258.712.842 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (234.491.432) | (122.615.180) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 9 | - | 35.451.516.858 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 40.031.906.429 | 94.930.975.911 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 10 | 40.031.906.429 | 94.930.975.911 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.660.654.554 | 6.937.836.913 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 5.610.654.554 | 6.874.026.113 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 50.000.000 | 63.810.800 |
| Tổng cộng tài sản | 270 | | 131.898.868.228 | 179.313.640.705 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam


| Nguồn vốn | Mã số | Thuyết minh | 31.12.2010 | 31.12.2009 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. Nợ phải trả | 300 | | 64.851.132.541 | 113.811.556.838 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 19.523.596.870 | 34.202.813.040 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 15 | 1.582.708.127 | 20.916.918.974 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 7.894.764.243 | 242.973.416 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 12 | 1.082.331.816 | 1.085.445.766 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 78.611.000 | 171.044.000 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 13 | 8.301.611.927 | 9.700.777.927 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 14 | 583.569.757 | 2.085.652.957 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 45.327.535.671 | 79.608.743.798 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | 16 | 7.259.000.000 | 40.227.500.000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 15 | 38.068.535.671 | 39.381.243.798 |
| B. Vốn chủ sở hữu | 400 | 17 | 67.047.735.687 | 65.502.083.867 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 67.047.735.687 | 65.502.083.867 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 56.250.000.000 | 56.250.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 8.922.401.000 | 8.922.401.000 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 77.282.591 | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 1.798.052.096 | 329.682.867 |
| Tổng cộng nguồn vốn | 440 | | 131.898.868.228 | 179.313.640.705 |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 2 năm 2011



NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc



DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 2010 | 2009 |
|---------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu | 01 | 18 | 8.403.884.500 | - |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần | 10 | | 8.403.884.500 | - |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 19-20 | (3.690.492.422) | - |
| 5. Lợi nhuận gộp | 20 | | 4.713.392.078 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 21 | 3.049.214.073 | 3.787.001.227 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 22 | (4.932.569.482) | (496.569.100) |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | - | (208.400.000) |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 23 | (2.662.854.849) | (1.761.223.855) |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 167.171.820 | 1.529.208.262 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 24 | 8.500.000.000 | 9.600.000 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 25 | (7.121.520.000) | (1.133.823) |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.378.480.000 | 8.466.177 |
| 14. Lợi nhuận trước thuế | 50 | | 1.545.651.820 | 1.537.674.439 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 12 | - | - |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế | 60 | | 1.545.651.820 | 1.537.674.439 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | 275 | 273 |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 25 tháng 2 năm 2011



NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc



DƯƠNG VĂN SƠN
Kê toán trưởng

VĂN SƠN - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam


Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

| Chi tiêu | Mã số | 2010 | 2009 |
|--|---------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 1.545.651.820 | 1.537.674.439 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 3.630.793.059 | 667.678.514 |
| Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | 1.352.449.189 | (3.499.856.244) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 2.340.471.500 | 5.361.443.900 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | | |
| 08 | 8.869.365.588 | 4.066.940.609 | |
| Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | (5.362.087.189) | (9.682.777.305) |
| Thay đổi các khoản phải trả | 11 | 6.785.660.678 | (4.905.740.220) |
| Thay đổi chi phí trả trước | 12 | - | 112.638.864 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (2.369.637.500) | (2.054.168.400) |
| Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh | 15/16 | 13.810.799 | (161.326.162) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 7.937.112.356 | (12.624.432.614) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (13.431.408.563) | (35.681.809.453) |
| 4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 1.727.181.001 | 756.480.000 |
| 5. Chi góp vốn vào đơn vị khác | 25 | (50.000.000) | (4.956.951.500) |
| 6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác | 26 | 23.446.500.000 | 17.609.671.874 |
| 7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 353.240.293 | 1.085.495.271 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 12.045.512.731 | (21.187.113.808) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 42.136.743.798 |
| 4. Chi trả nợ gốc vay | 34 | (20.646.918.974) | (7.856.765.574) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (20.646.918.974) | 34.281.978.224 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (664.293.887) | 470.431.802 |
| Tiền tồn đầu năm | 60 | 980.653.489 | 510.221.687 |
| Tiền tồn cuối năm | 70 | 316.359.602 | 980.653.489 |

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

 NGUYỄN VĂN ANH
Giám đốc


DƯƠNG VĂN SƠN
Kế toán trưởng

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập



DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Hanoi
Level 25, MJB44 Building,
91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi
T. 844 6266 3006 F. 844 6266 3066

Office in Ho Chi Minh City
No. 368 Lam Son, Tan Binh District, HCMC
T. 848 6296 8684 F. 848 6296 8679
No. 426 Cao Thang, District 10, HCMC
T. 848 3868 3306 F. 848 3868 3378

dfk@dfkvieta.com
www.dfkvieta.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 10-01-048A

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài



PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

HÀ NỘI
Ngày 25 tháng 2 năm 2011

NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

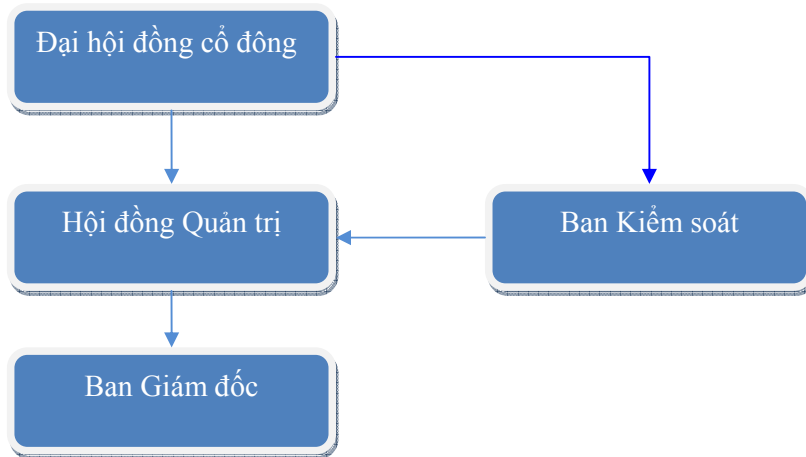
2. Kiểm toán nội bộ: Công ty không có bộ phận kiểm toán nội bộ

VI. Các công ty có liên quan

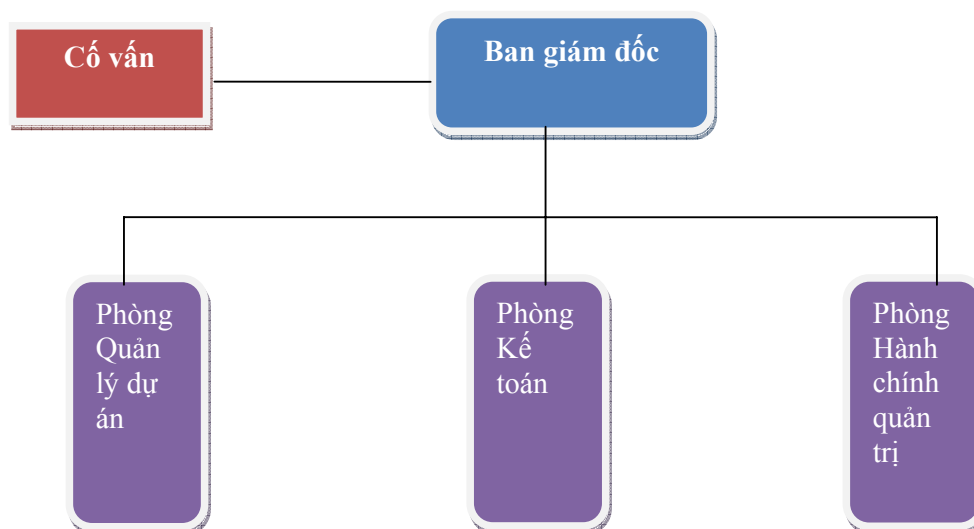
- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

VII. Tổ chức và nhân sự

- Bộ máy quản lý:



- Cơ cấu tổ chức của công ty:



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Cơ cấu Ban Giám đốc:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|--------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Anh | Giám đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Xuân Quảng | Phó Giám đốc |

1. Ông: Nguyễn Văn Anh - Chủ tịch HĐQT kiêm GD điều hành

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 22/04/1977 |
| Nơi sinh | Xóm 15 – xã Nghi Phú – Vinh - Nghệ An |
| Chứng minh thư số | 182110843 cấp ngày 09/07/2009 tại Công an Nghệ An |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú | Phòng 707 tòa nhà An Lạc, Mỹ Đình, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04. 35626614 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 2005- 2006: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam- Từ 2006 - tháng 8/2008: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam- Từ 8/2008 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam |
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 157.200 cổ phiếu (chiếm 2,79% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

2. Ông Nguyễn Xuân Quảng – Phó Giám đốc

| | |
|---|---|
| Họ và tên | Nguyễn Xuân Quảng |
| Chức vụ | Phó giám đốc kỹ thuật |
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 15/6/1974 |
| Nơi sinh | Tiến Thịnh – Mê Linh – Hà Nội |
| Chứng minh thư số | 011710458 Cấp ngày 18/ 01/ tại công an TP Hà Nội. |
| Quốc Tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Tiến Thịnh – Mê Linh – Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | Phòng 204 nhà 23 Bà Triệu - Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 35626614 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư cầu đường |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 9/1999 đến 9/2007: Công tác tại công ty XD Lũng Lô địa chỉ: 162 Trường Chinh - Hà Nội;- Từ 9/2007 đến nay: công tác tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Năng lượng Việt Nam địa chỉ phòng 508 toà nhà 101 Láng Hạ - Hà Nội |
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | Không |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

4. Ông: Dương Văn Sơn - Kế toán trưởng

| | |
|---|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 20/02/1980 |
| Nơi sinh | Vĩnh Phúc |
| Chứng minh thư số | 135035022 cấp ngày 26/3/1998 tại CA. Tỉnh Vĩnh Phúc |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Vĩnh Phúc |
| Địa chỉ thường trú | P205 - tập thể K40 - xã Mỹ Đình - huyện Từ Liêm - Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 35626614 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Tài chính kế toán |
| Quá trình công tác | - Từ 2002- 2006: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần xây dựng điện và hạ tầng Vĩnh Phúc. - Từ 2006- nay: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Năng lượng Việt Nam. |
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 8.000 cổ phần (chiếm 0.14% vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

- ❖ **Quyền lợi của Ban giám đốc:** Ban giám đốc được hưởng lương và thưởng và các chế độ đãi ngộ theo đúng quy chế lao động tiền lương của Công ty.
- ❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:** có 88 nhân viên toàn công ty. Công ty thực hiện việc trả lương cho người lao động theo Quy chế lương của Công ty (Người lao động được hưởng lương, thưởng, phụ cấp cùng các chế độ khác theo quy định của Nhà nước,...).

- ❖ Trong năm Công ty không có sự thay đổi về các thành viên của: Hội đồng quản trị; Ban giám đốc; Ban kiểm soát; Kế toán trưởng.

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị bao gồm:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|--------------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Văn Anh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 | Ông Trần Mạnh Hùng | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thanh Bình | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 4 | Ông Nguyễn Thành Trung | Ủy viên Hội đồng quản trị |
| 5 | Ông Lê Đức Thọ | Ủy viên Hội đồng quản trị |

Ban Kiểm soát bao gồm :

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Trần Quốc Bảo | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2 | Ông Hoàng Anh | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3 | Ông Hoàng Anh Tuyên | Thành viên Ban Kiểm soát |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông: Nguyễn Văn Anh - Chủ tịch HĐQT kiêm GD điều hành

(Lý lịch đã nêu ở trên)

2. Ông: Trần Mạnh Hùng- Ủy viên Hội đồng quản trị

| | |
|--------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 08/11/1963 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| Chứng minh thư số | 010825857 Do công an Hà nội cấp cấp ngày 20/03/2002 |
| Quốc Tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh |
| Địa chỉ thường trú | Số 14 A ngõ 123A, Phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 37854186 |

| | |
|---------------------|--|
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư vật lý, Cử nhân kinh tế đối ngoại |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2001- 2002: Tổng Giám đốc Công ty Cavico Việt Nam. - Từ 2002- 2006: Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cavico Việt Nam - 2006- nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cavico Việt Nam kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam |

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

(nếu có)

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân

70 cổ phiếu

Số cổ phần đại diện vốn Nhà nước

Không

Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty

Không

3. Bà: Nguyễn Thị Thanh Bình – Ủy viên HĐQT

Giới tính

Nữ

Ngày sinh

26/10/1978

Nơi sinh

Sóc Sơn, Hà Nội

Chứng minh thư số

011848885 cấp ngày 06/01/2000 tại CA. TP Hà Nội

Quốc tịch

Việt nam

Dân tộc

Kinh

Quê quán

Sóc Sơn, Hà Nội

Địa chỉ thường trú

B7 - Giảng Võ - Ba Đình – Hà Nội

Số ĐT

0915551078

Trình độ học vấn

Thạc sỹ

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- Từ 2005- 2006: Trợ lý Chủ tịch HĐQT và

Giám đốc đầu tư Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội.

- Từ 2006- Nay: Trợ lý Chủ tịch HĐQT và Giám đốc đầu tư Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

| | |
|--|-------|
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | Không |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

4. Ông Nguyễn Thành Trung- Ủy viên HĐQT

| | |
|---------------------|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 31/07/1978 |
| Nơi sinh | Thanh Hóa |
| Chứng minh thư số | 011890601 Do công an Hà Nội cấp ngày 28/5/2003 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thanh Hóa |
| Địa chỉ thường trú | P324 TT Ngân hàng – Võ Thị Sáu - Phường Thanh Nhàn – Q.Hai Bà Trưng – Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 5626614 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Ngân hàng |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 2000- 2007: Công tác tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam.- Từ 2007- 2008: Làm việc tại Công ty CP Chứng khoán Trảng An.- Từ 2008- nay: Làm việc tại Công ty |

Asiavantage Global Ltd (Japan) kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

| | |
|---|-------|
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | Không |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

5. Ông Lê Đức Thọ- Ủy viên HĐQT

| | |
|----------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 17/09/1974 |
| Nơi sinh | Đan Phượng- Hà Tây |
| Số chứng minh thư số | 012056928 cấp ngày 09/10/2001 tại CA TP Hà Nội |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Đan Phượng- Hà Tây |
| Địa chỉ thường trú | 237 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 5626614 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư kinh tế và quản lý doanh nghiệp |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 1996- 2003: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cavico Việt Nam.- Từ 2003- 2006: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Xây dựng và đầu tư Khu du lịch sinh thái.- Từ 2006- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Xây dựng và đầu tư Khu du lịch sinh thái kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam. |

| | |
|---|--|
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 26.900 cổ phần (Chiếm 0,48% Vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

BAN KIỂM SOÁT

1. Ông : Trần Quốc Bảo – Trưởng Ban kiểm soát

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 21/06/1976 |
| Nơi sinh | Nghệ An |
| Chứng minh thư số | 012757100 Công an Hà nội cấp ngày 26/11/2004 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Nghệ An |
| Địa chỉ thường trú | Phòng 504 - B10, Láng Hạ , Quận Đống Đa, Hà Nội |
| Số ĐT cơ quan | 04 37684020 |
| Trình độ học vấn | Thạc sỹ |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003- nay: Kế toán trưởng Công ty Cavico Việt Nam - Từ 2007- nay: Kế toán trưởng Công ty Cavico Việt Nam kiêm Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam |
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | 36.340 cổ phần (chiếm 0.65% vốn điều lệ) |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

2. Ông: Hoàng Anh – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính Nam

Ngày sinh 03/07/1976

Nơi sinh Ninh Bình

Chứng minh thư số 012622451 cấp ngày 17/7/2003 tại CA. TP Hà Nội

Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh

Quê quán Ninh Bình

Địa chỉ thường trú Số 38-tổ 27-Quan Hoa-Quận Cầu Giấy-Hà Nội

Số ĐT 0913323557

Trình độ học vấn Đại học

Trình độ chuyên môn Kỹ sư kinh tế xây dựng-Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác

- Từ 2003- 2005: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH Cavico Việt Nam
- Từ 2005- 2006: Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP Xây dựng Năng lượng
- Từ 2006- 2007: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP xây dựng Năng lượng.
- Từ 2007- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP xây dựng Năng lượng kiêm thành viên Ban kiểm soát.

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) Không

Số cổ phần nắm giữ của cá nhân Không

Số cổ phần đại diện cho nhà nước Không

Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

3. Ông: Hoàng Anh Tuyên – Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|---|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 04-02-1973 |
| Nơi sinh | Thanh Hóa |
| Chứng minh thư số | 171529207 Công an Thanh Hoá cấp ngày 27/7/2005 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thanh Hóa |
| Địa chỉ thường trú | Kênh Thôn, Hoằng Khánh, Hoằng Hoá, Thanh Hoá |
| Số ĐT cơ quan | 0437685747 |
| Trình độ học vấn | Đại học |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng công trình ngầm và mỏ |
| Quá trình công tác | <ul style="list-style-type: none">- Từ 2000- 2003: Quản lý dự án- Từ 2003- nay: Giám đốc Công ty Cavico Hạ tầng kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam. |
| Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của cá nhân | Không |
| Số cổ phần đại diện cho nhà nước | Không |
| Số cổ phần nắm giữ của những người liên quan: | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

✚ Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên

✚ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

✚ Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

✚ Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

✚ Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể: Năm 2010 Công ty không có khoản chi về thù lao

cho HĐQT và BKS do HĐQT và BKS nhất trí không nhận đề giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- ✚ Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty
- ✚ Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên: 8,13%
- ✚ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không có giao dịch

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

1 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2010

| STT | Cổ đông | Số Đăng ký kinh doanh | Địa chỉ | Số lượng (CP) | Giá trị (VND) | Ghi chú |
|-----|------------------------------|-----------------------|---|---------------|---------------|---------|
| 1 | Công ty TNHH Cavico Việt Nam | 0103000009 | Tầng 6 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm Hà Nội | 389.194 | 3.891.940.000 | 6,92% |
| 2 | Công ty tài chính bưu điện | 011663990 | Tầng 19 tòa nhà Ocean Park số 1 Đào Duy Anh Hà Nội | 350.500 | 3.505.000.000 | 6,23% |

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam)

2 - Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0101601945 ngày 11/10/2010:

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị (Đồng) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|-----|------------------------------|------------------|----------------|-----------|------------------------------------|
| 1 | Công ty TNHH Cavico Việt Nam | 389.194 | 3.891.940.000 | 6,92% | Đại diện: Ông Lê Đức Thọ |
| 2 | Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội | 252.550 | 2.525.500.000 | 4,49% | Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình |
| 3 | Bùi Quang Hà | 279.900 | 2.799.000.000 | 4,98% | |
| 4 | Lê Đức Thọ | 26.900 | 269.000.000 | 0,48% | |
| 5 | Nguyễn Văn Anh | 150.000 | 1.500.000.000 | 2,67% | |

(Nguồn: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam)

Theo quy định tại Điều 84 khoản 5 Luật doanh nghiệp, sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty đã được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

3 - Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2010

| Cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị | Tỷ lệ |
|-----------------------|------------------|-----------------------|-------------|
| Cổ đông ưu đãi | 0 | 0 | 0 |
| Cổ đông phổ thông | 5.625.000 | 56.250.000.000 | 100% |
| Tổng | 5.625.000 | 56.250.000.000 | 100% |
| Cổ đông tổ chức | 1.026.744 | 10.267.440.000 | 18,25% |
| Cổ đông trong Công ty | 215.200 | 2.152.000.000 | 3,83% |
| Cổ đông bên ngoài | 4.383.056 | 43.830.560.000 | 77,92% |
| Tổng | 5.625.000 | 56.250.000.000 | 100% |
| Cổ đông trong nước | 5.625.000 | 56.250.000.000 | 100% |
| Tổng | 5.625.000 | 56.250.000.000 | 100% |

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2011

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM**